TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 31 /2018/DS-PT
Ngày 10/5/2018
"*V/v tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà

Các Thẩm phán: Nguyễn Đăng Phồn và bà Thái Thị Hồng Vân.

Thư ký phiên tòa: bà Đặng Thị Bích Hà - Thư ký TAND tỉnh Nghệ An.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 54/2017/TLPT-DS ngày 07/11/2017 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Đặng Thị N, sinh năm: 1957; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 8, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn S (Nguyễn Hồng S), sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Thôn 8, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Hồng T, sinh năm: 1975; địa chỉ: Thôn 8, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Anh Lê Hồng Th, sinh năm: 1986; địa chỉ: Ấp 7A, xã M, huyện B, tỉnh Long An. Vắng mặt

3. Người được anh Th ủy quyền: Anh Lê Hồng T, sinh năm: 1975; địa chỉ: Thôn 8, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (*Văn bản ủy quyền ngày 21/6/2017)*. Vắng mặt.

4. Anh Lê Hồng Tr, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn 8, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

5. Bà Đậu Thị V, sinh năm: 1970; Có mặt

Địa chỉ: Thôn 8, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Do có kháng cáo của nguyên đơn trong vụ án là bà Đặng Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2016/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2017, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị N trình bày như sau: Bà và ông Lê Hồng T là vợ chồng, năm 1997 ông Lê Hồng T được Uỷ ban nhân dân huyện T cấp 1.585m^2 tại số thửa 761, tờ bản đồ số 05 tại xóm 8, xã T, huyện T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 352920 ngày 26/12/1997 mang tên Lê Hồng T, nay là thửa số 433, tờ bản đồ số 11. Ngày 02/11/2006 ông Lê Hồng T chết, các con đều đã ra ở riêng chỉ còn lại một mình bà sinh sống trên thửa đất. Ranh giới giữa thửa đất của bà và ông Nguyễn Văn S trước khi giao đất phía bên trên là hàng cây gồm nhiều loại cây, phía bên dưới là cây tre. Năm 2009 bà thuê máy múc đất để cải tạo vườn và đã đào mất ranh giới là hàng tre phía dưới, bà có trừ lại một bờ tường bằng đất để làm ranh giới giữa vườn bà và vườn ông Nguyễn Văn S. Năm 2009 ông Nguyễn Văn S đã san phẳng phần đất bà trừ lại làm ranh giới để lấn chiếm 90m^2 đất về phía Tây Nam của thửa đất số thửa 761, tờ bản đồ số 05 tại xóm 8, xã T, huyện T, nay là thửa số 433, tờ bản đồ số 11. Cụ thể phần đất ông Nguyễn Văn S lấn chiếm có chiều rộng phía trên là 02 mét, phía dưới 04 mét, chiều dài 30 mét. Năm 2013 ông Nguyễn Văn S xây bờ rào ngăn cách giữa hai thửa đất, bà không đồng ý để ông Sơn xây bờ rào nhưng ông Sơn vẫn cố tình xây. Sự việc đã được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T hòa giải nhiều lần nhưng không thành, ông Sơn không chịu trả đất cho bà. Trong đơn khởi kiện bà yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả lại cho bà 90m^2 đã lấn chiếm, nhưng qua xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện ông Sơn chỉ lấn của bà 83,5m^2 do đó bà thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn S tháo dỡ bờ tường trả lại cho bà 83,5m^2 đất về phía Tây Nam tại số thửa 761, tờ bản đồ số 05 ở xóm 8 xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn S khai: Ông và bà Đậu Thị V là vợ chồng, năm 1997 ông được Uỷ ban nhân dân huyện T cấp 1.060m^2 tại số thửa 800, tờ bản đồ số 05 tại xóm 8 xã

T, huyện T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 352911ngày 26/12/1997 mang tên Nguyễn Văn S (Nay là thửa 410, tờ bản đồ số 11). Sau khi được giao đất thì vợ chồng ông sử dụng ổn định không có tranh chấp, ranh giới giữa thửa đất của ông và bà Đặng Thị N là hàng tre. Năm 2009 bà Đặng Thị N thuê máy múc san vườn và đã đào mất hàng tre là ranh giới. Đến năm 2013 ông xây bờ rào giữa vườn ông và vườn bà Nền thì bị anh Lê Hồng T con trai bà N đập phá một phần, đến năm 2016 ông đã xây lại toàn bộ bờ rào giữa vườn ông và vườn bà Nền trên phần đất của ông. Bà N cho rằng ông lấn đất của bà và đã làm đơn đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An yêu cầu giải quyết, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay bà Đặng Thị N khởi kiện yêu cầu ông tháo dỡ bờ tường và trả lại diện tích 83,5m^2 đất về phía Tây Nam cho bà Đặng Thị N thì ông không đồng ý vì ông không lấn đất của bà Đặng Thị N.

Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Lê Hồng T và anh Lê Hồng Th là con bà N khai: Thông nhất như ý kiến của nguyên đơn (Bà Đặng Thị N). Đối với anh Lê Hồng Tr là con trai bà Đặng Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, do đó Tòa án không lấy lời khai ghi ý kiến của anh Lê Hồng Tr được.

Bà Đậu Thị V là vợ ông Nguyễn Văn S thống nhất như ý kiến của bị đơn (ông Sơn) .

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N về việc kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả lại 83,5m^2 đất đã lấn chiếm về phía Tây Nam tại số thửa 761, tờ bản đồ số 05 ở xóm 8 xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.(*Nay là thửa số 433, tờ bản đồ số 11 tại xóm 8 xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An)* cho bà Đặng Thị N.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đặng Thị N.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Đặng Thị N phải chịu 2.078.000đồng *(Hai triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nạp là 2.078.000đồng *(Hai triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn)* Bà Đặng Thị N đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 10 năm 2017, nguyên đơn trong vụ án là bà Đặng Thị N có đơn kháng cáo với nội dung: Bà không đồng ý với Bản án sơ thẩm số 35/2017/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương với lý do: Tòa án huyện Thanh Chương bác yêu cầu khởi kiện của bà là không đúng, bà yêu cầu Tòa án phúc thẩm buộc ông Nguyễn Văn S phải trả lại cho bà 83,5m^2 đất đã lấn chiếm về phía Tây Nam tại số thửa 761, tờ bản đồ số 05 ở xóm 8 xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An .

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trong vụ án bà Đặng Thị N giữ nguyên nội dung kháng cáo. Theo bà ranh giới giữa 2 gia đình là hàng tre rộng khoảng 4 đến 5 m bà đã thuê máy múc san bằng năm 2009. Cạnh hàng tre có con đường phía nhà ông S lên núi. Theo bà ranh giới 2 nhà là 1 đường thẳng kéo từ trên đỉnh núi xuống.

Ý kiến của Đại diện VKSND tỉnh Nghệ An tại phiên tòa đề nghị: Về thủ tục: Kháng cáo hợp lệ nên chấp nhận. Việc vắng mặt những người có quyền, nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng quyền lợi của họ. Về nội dung : tòa án không xác minh thửa đất tăng thêm diện tích vì lý do gì, hình thể thửa đất tại các bản đồ khác nhau nên đề nghị tạm ngưng phiên tòa để xác minh thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ thì các bên đều thừa nhận ranh giới liền kề giữa 2 gia đình ông S và bà N là hàng rào tre do gia đình bà N trồng đã lâu, có chỗ bụi tre đã phát triển rộng khoảng 4 đến 5 mét nhưng bà đã tự làm mất ranh giới đó vào năm 2009, căn cứ vào kết quả thẩm định thì diện tích đất hiện trạng của bà N còn vượt nhiều so với diện tích trong Giấy CNQSD Đ (979,4m^2). Căn cứ vào Biên bản mô tả ranh giới do cán bộ đo đạc của xã và Trưởng thôn lập ngày 01/12/2008 làm căn cứ vẽ sơ đồ địa chính thì đúng với hiện trạng hiện nay ông S đã xây bờ tường. Trên phần đất theo bà N là do ông S lấn chiếm còn có 2 cây xoan do ông S trồng kết quả thẩm định khoảng 10 năm tuổi chu vi nơi rộng nhất (vanh tròn) là 80cm, thể hiện ông S là người sử dụng đất trước khi xảy ra tranh chấp. Bà N là người khởi kiện nhưng không đưa ra chứng cứ, định vị mốc giới có dấu hiệu đặc định nên cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện là có cơ sở, đúng pháp luật. Tại phiên

tòa phúc thẩm bà N kháng cáo nhưng không nạp thêm tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, bà xác định ranh giới là đường thẳng từ trên đỉnh núi xuống nhưng các bản đồ đều thể hiện ranh giới 2 nhà là đường thẳng từ phần tiếp giáp của 2 nhà, phần đất phía trên tiếp giáp với hộ khác thì không liên quan đất tranh chấp vì vậy không có cơ sở để xem xét, chấp nhận kháng cáo của bà. Bà N thuộc trường hợp người già vì vậy cần miễn toàn bộ án phí phúc thẩm cho bà.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị tạm ngưng phiên tòa để xác minh một số vấn đề như : Lý do diện tích tăng thêm thì các bên đều tăng diện tích so với bìa đỏ. Các bản đồ được lập các thời điểm cơ bản giống nhau. Việc vắng mặt những người liên quan không ảnh hưởng nội dung vụ án. Chứng cứ đã đầy đủ vì vậy không cần thiết tạm ngưng phiên tòa để xác minh thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị N. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N về việc kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả lại 83,5m^2 đất đã lấn chiếm về phía Tây Nam tại số thửa 761, tờ bản đồ số 05 ở xóm 8 xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.(*Nay là thửa số 433, tờ bản đồ số 11 tại xóm 8 xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An)* cho bà Đặng Thị N.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Đặng Thị N phải chịu 2.078.000đồng *(Hai triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nạp là 2.078.000đồng *(Hai triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn)* Bà Đặng Thị N đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Về án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ cho bà Đặng Thị N.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị N: 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí kháng cáo bà đã nạp tại Biên lai thu tiền số 0001987 ngày 04/10/2017 của Chi cục THADS huyện Thanh Chương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Nghệ An*;
- *TAND huyện Thanh Chương*;
- *Chi cục THADS huyện Thanh Chương*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu HSVA*.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hà